

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-02-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Luyến;

Ông Đỗ Xuân Quyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Vinh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kỳ A, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 23/123 đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức E, sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: Số 2A đường G, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại: Australia; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10/01/2023 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Kỳ A trình bày:

Chị Nguyễn Kỳ A và anh Nguyễn Đức E kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận D, Hải Phòng vào ngày 15/3/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến thời điểm năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau, những mâu thuẫn nhỏ không được giải quyết nên vợ chồng dần xa cách, không còn quan tâm đến nhau, ly thân đã lâu. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh E.

Về con chung: Không có nên không đề nghị tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 29/12/2022 đã được Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Australia xác nhận, bị đơn là anh Nguyễn Đức E trình bày:

Anh xác nhận mối quan hệ giữa anh và chị A như lời trình bày của chị A. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến thời điểm năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Nay, chị A có yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, anh E đồng ý. Do điều kiện ở xa không thể có mặt tại Việt Nam nên anh Nguyễn Đức E đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; anh ủy quyền cho chị Nguyễn Kỳ A nhận các văn bản tố tụng thay anh.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Nguyễn Kỳ A và anh Nguyễn Đức E đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, chị Nguyễn Kỳ A đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng và anh Nguyễn Đức E đang ở Australia. Cả chị A và anh E đều có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Nguyễn Kỳ A và anh Nguyễn Đức E vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị A, anh E.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh E kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận D, Hải Phòng vào ngày 15/3/2018. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau, không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị A và anh E đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị A và anh E hiện mỗi người một nơi, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[4] Về con chung: Chị A và anh E không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị A và anh E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Kỳ A và anh Nguyễn Đức E được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kỳ A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Kỳ A được ly hôn với anh Nguyễn Đức E.

2. Về con chung: Chị A và anh E không có con chung, không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị A và anh E không yêu cầu, không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Kỳ A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000949 ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Kỳ A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Kỳ A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Anh Nguyễn Đức E (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Phi Luyến

- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- UBND phường Đồng Hòa, quận Kiến An;
- Đường sự;
- Lưu: HS, HCTP.

Đỗ Xuân Quyết

**TM. HỘI ĐỒNG TUYÊN BỐ VÀ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thúy Hà